

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12 – TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BẢN ÁN SỐ: 102/2026/DS-ST

Ngày: 03-4-2026

V/v “Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Nguyễn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Rất.

2. Bà Nguyễn Thị Ngưng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trúc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 797/2025/TLST-DS ngày 18 tháng 11 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 151/2026/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q (VI); địa chỉ: Tầng A và tầng B Tòa nhà S, số A P, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V – chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Thu H – chức vụ: Giám đốc trung tâm xử lý nợ.

Người đại diện theo ủy quyền lại của bà H: Anh Phan Xuân H1, chức vụ: cán bộ ngân hàng; chị Lê Châu Hoàng U, chức vụ: cán bộ ngân hàng; anh Nguyễn Anh Đ, chức vụ: cán bộ ngân hàng; anh Nguyễn Đức M, chức vụ: cán bộ ngân hàng (theo văn bản ủy quyền ngày 21/7/2025); chị Hoàng U có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1959; địa chỉ: ấp B, xã H, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 17/4/2019, **Ngân hàng V1** và bà **Nguyễn Thị S** có ký kết hợp đồng tín dụng số 2019.0580.HĐTD.641, cụ thể:

- + Số tiền cho vay: 400.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Mua xe ô tô hiệu TOYOTA, Biển kiểm soát 70A-198.65 theo Hợp đồng mua bán xe ô tô số 0278-TN/HĐMB-TG/TLTK2019 ký ngày 11/04/2019 mục đích sử dụng đi lại cá nhân;
- + Thời hạn vay: 84 tháng, từ ngày 18/4/2019 đến ngày 17/04/2026;
- + Lãi suất tại thời điểm giải ngân: 9,2%/năm, Lãi suất này là lãi suất ưu đãi (so với lãi suất thông thường là lãi suất cơ sở theo sản phẩm trong kỳ + biên độ 4.1%/năm) và chỉ được áp dụng trong thời hạn 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản tín dụng. Hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm cộng biên độ 4.1%/năm;
- + Trả nợ gốc: hàng tháng vào ngày 17;
- + Kỳ trả đầu tiên 17/5/2019, mỗi kỳ trả 4.761.000 đồng, số còn lại trả vào cuối kỳ;
- + Trả nợ lãi: vào ngày 17 hàng tháng;
- + Trả phí: theo quy định của **V1** từng thời kỳ;
- + Lãi quá hạn bằng 150 % lãi trong hạn.

Thực hiện đúng hợp đồng, ngày 17/04/2019 **Ngân hàng V1** đã giải ngân đủ số tiền 400.000.000 đồng cho bà **S** theo Đơn đề nghị giải ngân kèm Khế ước nhận nợ số 2019.0580.KUNN.641.

- Căn cứ Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kèm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ký ngày 06/03/2021, **Ngân hàng V1** đồng ý cấp cho bà **S** 01 thẻ tín dụng, cụ thể:

- + 01 thẻ **V1**, hạn mức 36.0000.000 đồng;
- + Lãi suất, phí: theo bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng VIB.

- *Tài sản đảm bảo cho khoản vay:* 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA, số loại VIOS E, biển kiểm soát số 70A-198.65 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 030636 do **Phòng C1 Công an tỉnh T** cấp ngày 16/04/2019 cho bà **Nguyễn Thị S**. Tài sản này được thế chấp tại **Ngân hàng V1** theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 2019.0580.HĐTC.641 ngày 17/04/2019 và tài sản bảo đảm trên đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà **S** đã thanh toán cho **Ngân hàng V1** số tiền là 346.672.380 đồng (trong đó: gốc là 218.245.000 đồng, lãi là 128.427.380 đồng), sau đó thì không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng như hợp đồng đã ký kết, đã vi phạm nội dung thỏa thuận tại HĐTD; HĐTC đã ký, khoản vay đã quá hạn thanh toán từ ngày 18/02/2023 và đang xếp loại nợ nhóm 5 là nợ xấu theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 11/2021/TT-NHNN của **Ngân hàng N2**. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, tạo điều kiện về thời gian và đề nghị thanh toán nợ vay nhưng bà **S** không trả nợ vay cho Ngân hàng nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà **S** phải trả cho **Ngân hàng V1** tổng số tiền tạm tính đến ngày 03/4/2026 tổng cộng 392.532.077 đồng (trong đó: HĐTD số 2019.0580.HĐTD.641 nợ gốc là 181.755.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 32.979.488 đồng, nợ lãi quá hạn là 99.714.672 đồng; thẻ tín dụng số C000000000418919 nợ gốc 29.792.051 đồng, nợ lãi quá hạn là 14.584.192 đồng, phí là 33.706.674 đồng; tổng cộng nợ gốc là 211.547.051 đồng, nợ lãi, phí là 180.985.026 đồng) và tiền lãi, phí phát sinh từ ngày 04/4/2026 cho đến khi trả dứt nợ vay theo quy định tại Hợp đồng. Trường hợp bà **S** không trả hoặc trả không đủ số nợ thì yêu cầu xử lý tài sản thế chấp và đề nghị phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Quá trình giải quyết, bị đơn bà Nguyễn Thị S trình bày: Ngày 17/4/2019, bà có vay của **Ngân hàng V1** số tiền 400.000.000 đồng, mục đích vay tiền là mua ô tô Toyota nhãn hiệu Vios 2019, khi vay có thể chấp lại bản chính giấy đăng ký xe. Từ khi vay tiền của Ngân hàng, bà trả gốc lãi đầy đủ cho đến tháng 02/2023 thì ngưng, bà không còn khả năng trả tiền cho Ngân hàng nữa. Giấy đăng ký xe ô tô số 030636 do **Phòng C1** cấp ngày 16/4/2019 cho bà đứng tên. Hiện tại, chiếc xe ô tô này vẫn do bà đang quản lý, sử dụng. Bà **S** đồng ý trả nợ theo yêu cầu của **Ngân hàng V1**, trường hợp bà không có tiền trả thì yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên tài sản thế chấp để thanh toán nợ cho Ngân hàng. Nhưng hiện tại, do hoàn cảnh khó khăn nên bà xin trả dần cho Ngân hàng, không có điều kiện thanh toán một lần.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và giải quyết vụ án:

- *Về tố tụng:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi vào nghị án được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng TMCP Q** đối với bà **Nguyễn Thị S**. Buộc bà **Nguyễn Thị S** phải trả cho **Ngân hàng TMCP Q** số tiền nợ gốc theo hợp đồng là 211.547.051 đồng và tiền lãi, phí phát sinh theo hợp đồng đã ký theo quy định của pháp luật. Trường hợp bà **S** không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì **Ngân hàng TMCP Q** có quyền đề nghị xử lý toàn bộ tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp

bất động sản đã ký để thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: **Ngân hàng TMCP Q** (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) tranh chấp hợp đồng tín dụng đã ký kết với bà **Nguyễn Thị S**, địa chỉ: **ấp B, xã H, tỉnh Tây Ninh**. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn là bà **Nguyễn Thị S** có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] *Về số tiền nợ gốc*: Xét hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp đã ký kết giữa các bên ngày 17/4/2019, Ngân hàng cho bà **S** vay 400.000.000 đồng và việc **Ngân hàng V1** cấp cho bà **S** 01 thẻ tín dụng số C000000000418919, **V1**, hạn mức 36.0000.000 đồng, các bên xác lập và ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có hình thức, nội dung, mục đích không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên có hiệu lực pháp luật và các bên phải có nghĩa vụ thực hiện theo đúng cam kết. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà **S** chỉ thanh toán được một phần nghĩa vụ nợ là 346.672.380 đồng (trong đó có 218.245.000 đồng tiền gốc, 128.427.380 đồng tiền lãi tính đến ngày 30/5/2025), sau đó thì không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng như hợp đồng đã ký kết, như vậy, bà **S** đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã xác lập với Ngân hàng. Do đó, tính đến ngày 03/4/2026, bà **S** còn nợ lại Ngân hàng số tiền gốc (bao gồm hợp đồng tín dụng và thẻ tín dụng) là 211.547.051 đồng là sự thật.

[2.2] *Về lãi suất*: Căn cứ vào khoản 2 Điều 100 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024 quy định “...*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật về các tổ chức tín dụng*”. Xét thỏa thuận về lãi suất trong các hợp đồng trên không trái với quy định của (sửa đổi, bổ sung năm 2025), Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024 cũng như quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng tại thời điểm ký kết hợp đồng nên có hiệu lực. Tính đến ngày 03/4/2026, bà **S** còn nợ lại Ngân hàng số tiền lãi là 180.985.026 đồng (trong đó có 32.979.488 đồng lãi trong hạn, 114.298.864 đồng tiền lãi quá hạn và phí là 33.076.674 đồng).

[2.3] Từ những nhận định nêu trên, do bà **S** vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên **Ngân hàng V1** khởi kiện đòi lại số nợ gốc và tiền lãi theo hợp đồng đã ký kết là có căn cứ, phù hợp tại khoản 2 Điều 100, Điều 103 Luật các tổ chức Tín dụng. Buộc bà **S** có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền 392.532.077 đồng (trong đó có 211.547.051 đồng tiền gốc, 32.979.488 đồng tiền lãi trong hạn, 114.298.864 đồng tiền lãi quá hạn và phí là 33.076.674 đồng).

[2.4] Kể từ ngày 04/4/2026 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.5] Trường hợp bà **Nguyễn Thị S** không trả được nợ cho **Ngân hàng TMCP Q** thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan pháp luật có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp của bà **S**: 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA, số loại VIOS E, biển kiểm soát số 70A-198.65 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 030636 do **Phòng C1 Công an tỉnh T** cấp ngày 16/04/2019 cho bà **Nguyễn Thị S** để thu hồi nợ. Trường hợp phát mại tài sản thế chấp không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì bà **S** phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi trả hết toàn bộ các khoản nợ cho Ngân hàng.

[2.6] Tại biên bản ghi lời khai ngày 10/02/2026, bà **S** đồng ý trả nợ cho Ngân hàng nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên xin trả dần cho Ngân hàng. Xét yêu cầu này của bà không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Tây Ninh là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] *Về án phí*: Căn cứ theo quy định tại Điều 12, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, **Ngân hàng TMCP Q** không phải chịu, hoàn trả cho Ngân hàng 8.621.000 (tám triệu, sáu trăm hai mươi một nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012564 ngày 18/11/2025 của Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh. Bà **Nguyễn Thị S** được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 93, khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 100, Điều 103 Luật các tổ chức Tín dụng năm 2024; Điều 298, khoản 7 Điều 323 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng TMCP Q (V1)** đối với bà **Nguyễn Thị S** về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

1.1. Buộc bà **Nguyễn Thị S** có nghĩa vụ trả cho **Ngân hàng TMCP Q (V1)** số tiền 392.532.077 (ba trăm chín mươi hai triệu, năm trăm ba mươi hai nghìn, không trăm bảy mươi bảy) đồng (trong đó có 211.547.051 (hai trăm mười một triệu, năm trăm bốn mươi bảy nghìn, không trăm năm mươi một) đồng tiền gốc, 32.979.488 (ba mươi hai triệu, chín trăm bảy mươi chín nghìn, bốn trăm tám mươi tám) đồng tiền lãi trong hạn, 114.298.864 (một trăm mười bốn triệu, hai trăm chín mươi tám nghìn, tám trăm sáu mươi bốn) đồng tiền lãi quá hạn và phí là 33.076.674 (ba mươi ba triệu, không trăm bảy mươi sáu nghìn, sáu trăm bảy mươi bốn) đồng).

1.2. Kể từ ngày 04/4/2026 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

1.3. Trường hợp bà **Nguyễn Thị S** không trả được nợ cho **Ngân hàng TMCP Q** thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan pháp luật có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp của bà **S**: 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA, số loại VIOS E, biển kiểm soát số 70A-198.65 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 030636 do **Phòng C1 Công an tỉnh T** cấp ngày 16/04/2019 cho bà **Nguyễn Thị S** để thu hồi nợ. Trường hợp phát mại tài sản thế chấp không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì bà **S** phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi trả hết toàn bộ các khoản nợ cho Ngân hàng.

2. Về án phí:

2.1. **Ngân hàng TMCP Q** không phải chịu, hoàn trả cho Ngân hàng 8.621.000 (tám triệu, sáu trăm hai mươi một nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012564 ngày 18/11/2025 của Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

2.2. Bà **Nguyễn Thị S** được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Rát Nguyễn Thị N Chí Nguyễn

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 12;
- P.THADS khu vực 12;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Chí Nguyễn

**Thành viên Hội
đồng xét xửThẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Mặt khác, trong quá trình làm việc, bà **T**, chị **M1**, anh **R** đều thống nhất: cụ **C**, cụ **N1** có cho ông **R1** phần đất ở, liền kề với phần đất của bà **T**, nhưng bà **T** đã bán phần đất này để có tiền xây nhà và chi phí chăm sóc, nuôi dưỡng anh **R**, chị **M1**. Và hiện tại, anh **R**, chị **M1** cũng được thừa hưởng từ cụ **N1**, cụ **C** một phần đất ruộng diện tích khoảng 50 cao.

